TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01A/2020/QĐ-PT	*Vĩnh Phúc, ngày 17 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC
Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông Nguyễn Hoàng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Mạnh và bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 66/2019/QĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 Toà án nhân dân huyện Y đã căn cứ vào các Điều 217, 218, 219, 235 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng L, sinh năm 1955 (tên gọi khác Phạm Thị L); nơi cư trú: Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1953

2. Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1992

Đều cư trú tại: Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Chị Nguyễn Thanh L, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1983

5. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1990

Đều cư trú tại: Thôn D, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, anh D, chị L, chị Q, chị H là bà Phạm Thị Hồng L (Văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 6 năm 2016).

6. Hợp tác xã nông nghiệp P, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1959, chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

7. Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Thành N, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y (Theo Văn bản ủy quyền số 2339/GUQ- UBND ngày 03/9/2019).

Tại đơn kháng cáo đề ngày 16 tháng 11 năm 2019, nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng L kháng cáo không đồng ý với Quyết định đình chỉ số 66/2019/QĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ của Tòa án nhân dân huyện Y.

Tại phiên họp Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị L. Áp dụng điểm c khoản 5 Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 66/2019/QĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của TAND huyện Y, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để tiếp tục giải quyết vụ án. Vì:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/3/2016 bà L cho rằng UBND xã Y thu hồi 3.192m^2 đất của gia đình bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được bồi thường nên bà đề nghị Tòa án buộc UBND xã Y phải bồi thường với giá 83.000.000đ/1 sào, tổng bằng 735.756.000đ. Theo các quy định của Luật đất đai thì việc thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng trong trường hợp này thuộc trách nhiệm của cơ quan Nhà nước. Do vậy đơn khởi kiện của bà L là khiếu kiện hành chính theo khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính. TAND huyện Y thụ lý vụ án dân sự bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

Từ việc xác định không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, Quyết định đình chỉ số 66/2019/QĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của TAND huyện Y nhận định bà L khởi kiện không đúng đối tượng khởi kiện, và thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện là không phù hợp với các quy định của Luật đất đai và Bộ luật tố tụng dân sự, bởi lẽ: Tại điểm b khoản 3 Điều 43 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định UBND cấp xã có trách nhiệm: *"b) Phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện xác nhận đất đai, tài sản của người bị thu hồi;"*.

Xem xét bản sao Công văn số 147/UBND-BBT ngày 27/01/2015 của UBND huyện Y có trong hồ sơ vụ án thấy UBND huyện Y có trả lời và giao cho HTXNN P *"Làm việc với UBND xã Y thống nhất quy chủ đối với diện tích đất 102m^2 thuộc đất nông nghiệp quỹ 1 khó giao, báo cáo bằng văn bản có xác nhận của UBND xã, gửi về Ban bồi thường giải phóng mặt bằng và phát triển quỹ đất để làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ"* (Công văn này có ghi nơi nhận là UBND xã Y).

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng phúc thẩm nhận thấy:

Bà Phạm Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu UBND xã Y phải bồi thường theo chính sách của Nhà nước cho gia đình bà 3.192m^2 đất đã bị Nhà nước thu hồi để làm đường giao thông, làm sân bóng (trong đó diện tích thu hồi làm đường là 102,1m^2). Số diện tích đất này gia đình bà được HTX nông nghiệp Y bán thầu cho bà từ năm 1994 với giá 11.600.000đ; đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/6/1996.

Theo bà L thì:

Ngày 11/8/2015 UBND xã Y tổ chức làm việc giải quyết đơn đề nghị của bà đã kết luận: Gia đình bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, thời hạn sử dụng đến hết năm 2013; Phần diện tích đất thu hồi 3.192m^2 đất để làm sân bóng của bà L thầu, UBND xã lấy ra để giao khoán cho người khác (không có quyết định thu hồi, không được đền bù).

Không đồng ý với kết luận, bà khiếu nại đến UBND huyện Y, UBND huyện Y có văn bản yêu cầu UBND xã Y kiểm tra, rà soát trả lời công dân nhưng UBND xã Y không làm mà thách thức bà. Bà làm đơn khiếu nại đến UBND tỉnh Vĩnh Phúc; UBND tỉnh Vĩnh Phúc có văn bản chỉ đạo UBND huyện Y xem xét, chỉ đạo giải quyết theo pháp luật.

Ngày 25/01/2016 UBND xã Y ban hành văn bản số 07/HC-UBND về việc trả lời đơn của bà, bà không đồng ý với văn bản này, đặc biệt là ở Điều 4 của văn bản cho rằng việc ghi diện tích 3.216m^2 và diện tích 816m^2 vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do nhận thức của cán bộ lúc bấy giờ không biết mà chỉ ghi để theo dõi diện tích đất này chứ không phải là diện tích bà được sử dụng theo Nghị định 64/CP để được sử dụng lâu dài. Đây là lập luận phi lý nhằm trốn tránh trách nhiệm của UBND xã Y, vì bà được cấp giấy chứng nhận đối với diện tích đất trên được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Nay bà yêu cầu UBND xã Y phải bồi thường cho bà toàn bộ số đất bị thu hồi; số tiền bà yêu cầu bồi thường theo mức giá đền bù của Nhà nước là 83.000.000đ/1sào. Lý do yêu cầu bồi thường là đất gia đình bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND xã Y lấy ra để làm đường và sân bóng thì phải bồi thường. Mặt khác giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà còn hiệu lực chưa thu hồi khi hết hạn sử dụng đất.

Theo trình bày của đại diện UBND xã Y cùng các tài liệu thu thập trong hồ sơ thấy rằng:

Diện tích đất 3.192m^2 mà bà Loan yêu cầu UBND xã Y bồi thường là diện tích đất bà L nhận thầu với Hợp tác xã nông nghiệp thôn P theo hợp đồng ngày 11/12/1994 với thời hạn 15 năm kể từ ngày 01/01/1995 đến hết ngày 30/12/2009, hết hạn hợp đồng, bà L xin hợp đồng tiếp có thời hạn đến 30/12/2013. Trong quá trình sử dụng ngày 25/8/1996 Hợp tác xã nông nghiệp thôn P điều chỉnh 720m^2 trong diện tích 3.216m^2 để giao cho ông Hoàng Văn H

sử dụng đến hết năm 2013, hết hạn ông H đã trả lại cho Hợp tác xã, diện tích đất còn lại của bà gia đình bà L là 2.496m^2. Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thời điểm 1996 toàn bộ diện tích được chia theo Nghị định 64/CP của bà L và diện tích đất bà L nhận thầu được cấp chung vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà L.

Ngày 13/8/22013 UBND huyện Y ra Thông báo số 95/TB-UBND "Thông báo thu hồi đất để thực hiện công trình đường giao thông liên xã đoạn từ cụm công nghiệp M đến Cầu Kênh P"; Ngày 19/11/2013 UBND huyện Y đã có quyết định thu hồi đất để làm đường giao thông liên xã đoạn từ cụm công nghiệp M đến Cầu Kênh P, diện tích đất gia đình bà L bị thu hồi là 102,1m^2 nằm trong diện tích 3.192m^2 đất thầu của gia đình bà L nhưng tiền bồi thường, hỗ trợ về thu hồi đất thì Ủy ban chưa chi trả cho ai (do chưa quy được chủ sử dụng).

Ngày 15/5/2014 UBND huyện Y có quyết định phê duyệt quy hoạch địa điểm xây dựng sân thể thao thôn P, xã Y, toàn bộ diện tích sân thể thao nằm trong diện tích đất thầu của bà L, nhưng chưa có quyết định thu hồi đất. Về diện tích đất thầu của bà L, năm 2013 hết hợp đồng thầu, UBND xã Y đã lấy ra để làm sân bóng nhưng chưa thanh lý hợp đồng với gia đình bà L (do bà L không mang hợp đồng ra để làm thủ tục thanh lý).

Về việc đất nhận thầu của bà L (3.192m^2) nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L: Theo UBND xã Y và UBND huyện Y thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L đối với diện tích đất này là không đúng, cần hủy bỏ một phần đối với diện tích đất cấp không đúng nhưng hiện nay UBND huyện Y chưa có quyết định hủy bỏ.

UBND xã Y và UBND huyện Y cho rằng bà L yêu cầu bồi thường về đất khi bị thu hồi (3.192m^2) là không có cơ sở.

Với nội dung trên, tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 66/2019/QĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 Toà án nhân dân huyện Y đã căn cứ vào các Điều 217, 218, 219, 235 khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, giữa bà Phạm Thị Hồng L và UBND xã Y với lý do: Việc thu hồi đất thuộc thẩm quyền của UBND huyện Y, bà L khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với diện tích 3.192m^2 (trong đó có 102m^2 đã có quyết định thu hồi đất của UBND huyện Y và 3000 m^2 đất có thông báo thu hồi đất của UBND huyện Y) thuộc trường hợp bồi thường thiệt hại trong quản lý hành chính về đất đai, bà L khởi kiện UBND xã Y là không đúng đối tượng khởi kiện và thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng phúc thẩm thấy rằng:

Theo nội dung đơn khởi kiện của bà L nêu trên thì đây là trường hợp khiếu kiện hành chính theo khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính. TAND huyện Y

thụ lý vụ án dân sự bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

Từ việc xác định không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, Quyết định đình chỉ số 66/2019/QĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của TAND huyện Y nhận định bà L khởi kiện không đúng đối tượng khởi kiện, và thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện là không phù hợp với các quy định của Luật đất đai và Bộ luật tố tụng dân sự, bởi lẽ:

Tại điểm b khoản 3 Điều 43 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định UBND cấp xã có trách nhiệm: *"b) Phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện xác nhận đất đai, tài sản của người bị thu hồi;"*.

Xem xét bản sao Công văn số 147/UBND-BBT ngày 27/01/2015 của UBND huyện Y có trong hồ sơ vụ án thấy UBND huyện Y có trả lời và giao cho HTXNN P *"Làm việc với UBND xã Y thống nhất quy chủ đối với diện tích đất 102m^2 thuộc đất nông nghiệp quỹ 1 khó giao, báo cáo bằng văn bản có xác nhận của UBND xã, gửi về Ban bồi thường giải phóng mặt bằng và phát triển quỹ đất để làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ"* (Công văn này có ghi nơi nhận là UBND xã Y).

Như vậy, đối với diện tích đất 102,1m^2 đã có quyết định thu hồi đất của UBND huyện Y nhưng chưa xem xét thực hiện chính sách đền bù là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, trong đó có UBND xã Y (vì khi thu hồi đất vẫn còn trong thời hạn bà L được sử dụng đất). Do xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp nên Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định xem UBND xã Y đã được UBND huyện Y hoặc Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Y yêu cầu phối hợp xác nhận đất đai, tài sản của người bị thu hồi đất chưa? Không hỏi bà L có yêu cầu như thế nào về trách nhiệm của UBND xã Y trong việc xác nhận đất đai, tài sản của bà Loan để từ đó xem xét, giải quyết đối với đơn khởi kiện của bà L về diện tích 102,1m^2 đất cũng như chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường về đất đối với số đất còn lại.

Cần lưu ý bà L yêu cầu bồi thường khi bị Nhà nước thu hồi đất nên đây không phải là yêu cầu bồi thường Nhà nước do người thi hành công vụ gây ra theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng.

Do vậy cần hủy Quyết định đình chỉ của TAND huyện Y, giao hồ sơ cho TAND huyện Y để tiếp tục giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm c khoản 5 Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 66/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2019 Toà án nhân dân huyện Y, giao hồ sơ cho TAND huyện Y để tiếp tục giải quyết vụ án.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Hồng L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại bà Phạm Thị Hồng L 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005446 ngày 02 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định**.**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Y;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đã ký

Nguyễn Hoàng Thanh